



dìng jì

锭剂

noun · lozenge (medicine tablet)

Example Sentence

Zhè zhǒng dìng jì kě yǐ huǎn jiě hóu lóng tòng

这种锭剂可以缓解喉咙痛。

This kind of lozenge can relieve a sore throat.

Trace each character, then write the word on your own.

锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭
锭	锭	锭	锭	锭						
剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂